

CHÍNH PHỦ**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 72/2000/NĐ-CP ngày 05/12/2000 về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Nhằm tăng cường quản lý nhà nước về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, tăng cường công tác tuyên truyền đối ngoại, khuyến khích việc mở rộng giao lưu văn hóa giữa nước ta với các nước trên thế giới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.**

1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tác phẩm hoặc được chủ sở hữu tác phẩm ủy quyền có quyền công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này được Nhà nước bảo hộ quyền tác giả theo quy định của pháp luật về quyền tác giả và phải

chịu trách nhiệm về nội dung của tác phẩm đó theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 2.

1. Tác phẩm công bố, phổ biến ra nước ngoài quy định tại Nghị định này, bao gồm:

- a) Tác phẩm viết;
- b) Các bài giảng, bài phát biểu;
- c) Tác phẩm sân khấu và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác;
- d) Tác phẩm điện ảnh, vi-di-ô;
- đ) Tác phẩm phát thanh, truyền hình;
- e) Tác phẩm báo chí;
- g) Tác phẩm âm nhạc;
- h) Tác phẩm kiến trúc;
- i) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;
- k) Tác phẩm nhiếp ảnh;
- l) Công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
- m) Các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
- n) Tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển tập, hợp tuyển;

o) Phần mềm máy tính;

p) Tác phẩm khác do pháp luật quy định.

2. Các tác phẩm được quy định tại khoản 1 Điều này không phân biệt thể hiện bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam hay tiếng nước ngoài.

3. Việc cung cấp thông tin cho báo chí nước ngoài, đưa sản phẩm ghi âm, ghi hình ra nhân bản ở nước ngoài cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 3.

1. Công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài

được thể hiện dưới các hình thức: trưng bày, triển lãm, biểu diễn, đăng báo, tạp chí, xuất bản, phát trên đài phát thanh, đài truyền hình, đưa vào mạng Internet, dự các cuộc thi, liên hoan, dự trại sáng tác, phát biểu tại hội nghị, hội thảo khoa học, chiếu, phát hoặc các hình thức trình bày trước công chúng khác.

2. Việc phát hành báo chí, xuất bản phẩm ra nước ngoài, việc đưa tác phẩm ra nước ngoài để sử dụng riêng không thể hiện dưới các hình thức quy định tại khoản 1 Điều này thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 4.

1. Tổ chức, cá nhân công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài, đưa sản phẩm ghi âm, ghi hình ra nhân bản ở nước ngoài theo quy định tại Điều 2 Nghị định này phải được phép của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Việc cung cấp thông tin cho báo chí nước ngoài, việc công bố, phổ biến tác phẩm được sáng tạo trong thời gian dự trại sáng tác ở nước ngoài không phải xin phép nhưng không được vi phạm quy định cấm tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 5. Nghiêm cấm công bố, phổ biến những tác phẩm có nội dung sau đây ra nước ngoài:

1. Tác phẩm có các nội dung:

a) Chống lại Nhà nước Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của cá nhân và các bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc lịch sử; phủ nhận thành tựu cách

mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

2. Tác phẩm không có nội dung thuộc quy định tại khoản 1 Điều này nhưng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

Chương II

THẨM QUYỀN CHO PHÉP, THỦ TỤC XIN PHÉP CÔNG BỐ PHỔ BIẾN TÁC PHẨM RA NƯỚC NGOÀI

Điều 6. Thẩm quyền cho phép công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài được quy định như sau:

1. Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép đối với các tác phẩm sau đây:

a) Tác phẩm điện ảnh, vi-di-ô đưa ra liên hoan phim, tuần phim hoặc chiếu trước công chúng nước ngoài; trừ trường hợp phim truyền hình Việt Nam đưa ra chiếu trên Đài Truyền hình nước ngoài theo thỏa thuận giữa Đài Truyền hình Việt Nam với các tổ chức truyền hình ở nước ngoài;

b) Tác phẩm sân khấu, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác của các đoàn nghệ thuật thuộc các cơ quan Trung ương đưa ra biểu diễn ở nước ngoài; tác phẩm sân khấu, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác của các đoàn nghệ thuật địa phương đưa ra dự các cuộc liên hoan, biểu diễn có quy mô quốc gia hoặc quốc tế;

c) Tác phẩm nhiếp ảnh, tạo hình mỹ thuật ứng dụng đưa ra trưng bày, triển lãm, dự các cuộc thi ở nước ngoài;

d) Tác phẩm viết, sách giáo khoa, giáo trình đưa ra xuất bản, trưng bày, triển lãm; tác phẩm báo chí đưa ra trưng bày, triển lãm ở nước ngoài;

đ) Sản phẩm ghi âm, ghi hình đưa ra nhân bản ở nước ngoài.

2. Bộ Xây dựng cho phép đối với tác phẩm kiến trúc.

3. Tổng cục Địa chính cho phép đối với bản đồ, các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục Địa chính.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cho phép đối với bài giảng, bài phát biểu, công trình khoa học, các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, phần mềm máy tính và các tác phẩm khác theo quy định của pháp luật có nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ, ngành mình mà cá nhân, tổ chức thuộc các cơ quan, tổ chức ở Trung ương đưa tác phẩm ra công bố, phổ biến ở nước ngoài.

5. Người đứng đầu cơ quan báo chí cho phép đối với tác phẩm báo chí của cá nhân, tổ chức thuộc cơ quan mình được đăng báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình ở nước ngoài.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở ở địa phương cho phép đối với các tác phẩm theo quy định sau:

a) Sở Văn hóa - Thông tin cho phép:

- Tác phẩm sân khấu, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác của các đoàn nghệ thuật địa phương bao gồm cả các đoàn nghệ thuật tư nhân đưa ra biểu diễn ở nước ngoài, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa - Thông tin quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

- Tác phẩm báo chí của cá nhân, tổ chức ở địa phương mà cá nhân, tổ chức đó không thuộc các cơ quan báo chí, đưa ra đăng báo, tạp chí hoặc phát trên đài phát thanh, truyền hình ở nước ngoài.

b) Các Sở, cơ quan quản lý nhà nước cấp Sở cho phép đối với bài giảng, bài phát biểu, công trình khoa học, bản vẽ, sơ đồ và các tác phẩm khác theo quy định của pháp luật, có nội dung thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở mà cá nhân hoặc tổ chức thuộc địa phương đưa ra công bố, phổ biến ở nước ngoài.

7. Cơ quan ngoại giao, đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cho phép đối với tác phẩm của cá nhân, tổ chức của Việt Nam công tác, học tập, lao động ở nước ngoài mà chưa được cơ quan có thẩm quyền ở trong nước cho phép.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân muốn công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 6 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

1. Văn bản đề nghị trong đó phải ghi rõ tên tác phẩm, loại tác phẩm, tên tác giả, hình thức, thời gian, nơi công bố, phổ biến;

2. Bản thảo tác phẩm viết; tóm tắt nội dung bài giảng, bài phát biểu, tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, tác phẩm điện ảnh, vi-di-ô, tác phẩm báo chí, phát thanh, truyền hình, tác phẩm âm nhạc, công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình, phần mềm máy tính;

3. Danh mục tác phẩm đối với các tác phẩm kiến trúc, tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, nhiếp ảnh, các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ;

4. Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu tác phẩm trong trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là chủ sở hữu tác phẩm công bố, phổ biến ra nước ngoài;

5. Trường hợp công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo ký kết giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam với nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế hoặc do phía nước ngoài, tổ chức quốc tế mời phải kèm theo văn bản ký kết hoặc văn bản mời;

6. Trường hợp cơ quan cấp phép cần duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh, vi-di-ô, tác phẩm sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác, hoặc tác phẩm khác, tổ chức, cá nhân xin phép có trách nhiệm trình tác phẩm để cơ quan cấp phép duyệt.

Điều 8.

1. Kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn

10 ngày đối với tác phẩm quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m, o, p khoản 1 Điều 2 Nghị định này, trong thời hạn 20 ngày đối với tác phẩm quy định tại các điểm a, l, n khoản 1 Điều 2 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền cho phép công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài phải xem xét và cấp giấy phép. Trường hợp không cấp giấy phép hoặc cần kéo dài quá thời gian quy định phải có công văn nói rõ lý do; thời gian kéo dài tối đa cũng không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ.

2. Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định này là căn cứ để làm thủ tục hải quan.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân xin phép công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài không đồng ý với quyết định của cơ quan cấp phép thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG BỐ PHỔ BIẾN TÁC PHẨM RA NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài.

Bộ Văn hóa - Thông tin là cơ quan của Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Soạn thảo trình Chính phủ ban hành hoặc tự ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài;

2. Cho phép công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài hoặc cấm công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền;

3. Thực hiện hoặc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo,

xử lý vi phạm về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài theo thẩm quyền;

4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài;

5. Yêu cầu các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương.

Điều 10. Trong phạm vi chức năng được giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn, cấp phép, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài thuộc phạm vi ngành mình quản lý.

Điều 11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với việc công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài thuộc phạm vi địa phương quản lý.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 12. Tổ chức, cá nhân công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài vi phạm các quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, bị cấm công bố phổ biến tác phẩm ra nước ngoài; cá nhân có hành vi vi phạm nghiêm trọng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cá nhân có thẩm quyền lợi dụng chức vụ, quyền hạn cho phép công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài mà tác phẩm thuộc quy định cấm tại Điều 5 Nghị định này hoặc sách nhiễu đối tượng xin phép thì bị phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 15. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định trước đây của Chính phủ về công bố, phổ biến tác phẩm ra nước ngoài trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 16. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 17. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 73/2000/ND-CP ngày 06/12/2000 ban hành Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Những quy định về việc quản lý vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác trái với quy định trong Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
KT. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

QUY CHẾ Quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác

(ban hành kèm theo Nghị định số 73/2000/ND-CP ngày 06/12/2000 của Chính phủ).

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nhà nước thực hiện việc quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn nhà nước và người trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

Điều 2. Một số từ ngữ trong Quy chế này được hiểu như sau:

1. "Doanh nghiệp khác" là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc Luật Hợp tác xã.